

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 33/2002/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 8 tháng 2 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phê duyệt Kế hoạch phát triển Internet Việt Nam giai đoạn 2001 - 2005

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Chỉ thị số 58-CT/TW ngày 17 tháng 10 năm 2000 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa giai đoạn 2001 - 2005; Quyết định số 81/2001/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hành động triển khai Chỉ thị nói trên;

Căn cứ Nghị định số 55/2001/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet;

Căn cứ Quyết định số 158/2001/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chiến lược phát triển Bưu chính Viễn thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020";

Xét đề nghị của Tổng cục Bưu điện tại tờ trình số 1261/TCBĐ ngày 25 tháng 10 năm 2001 về Kế hoạch phát triển Internet Việt Nam giai đoạn 2001 - 2005;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch phát triển Internet Việt Nam giai đoạn 2001 - 2005 với những nội dung chủ yếu sau đây :

I. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát:

Đẩy nhanh việc phổ cập Internet trong mọi hoạt động của nền kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng với chất lượng tốt, giá cả thấp hơn hoặc tương đương các nước trong khu

vực.

Phát triển hạ tầng Internet thành môi trường ứng dụng thuận lợi cho các loại hình dịch vụ điện tử về thương mại, hành chính, báo chí, bưu chính, viễn thông, tài chính, ngân hàng, giáo dục đào tạo từ xa, y tế qua mạng... phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Tạo lập môi trường cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kết nối (IXP), dịch vụ truy nhập (ISP), dịch vụ ứng dụng (OSP).

2. Các chỉ tiêu phát triển cụ thể

a) Về phổ cập Internet:

Năm 2002 - 2003: tất cả các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng, trung học dạy nghề được kết nối Internet;

Đến năm 2005: đạt mật độ bình quân 1,3 - 1,5 thuê bao/100 dân, tỷ lệ số dân sử dụng Internet là 4 - 5%, tiến tới đạt tỷ lệ này ở mức trung bình khu vực vào năm 2010; khoảng 50% số trường phổ thông trung học, 100% số bệnh viện trung ương và trên 50% số bệnh viện tỉnh được kết nối Internet; tất cả các Bộ, ngành, cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền cấp tỉnh và huyện được kết nối Internet và mạng diện rộng của Chính phủ; hầu hết cán bộ, công chức được sử dụng Internet phục vụ công tác chuyên môn và hành chính công điện tử.

Đảm bảo các dịch vụ trong môi trường Internet cho phát triển thương mại điện tử, dịch vụ ngân hàng, tài chính, hải quan v.v...

b) Mở rộng thị trường có cạnh tranh bình đẳng giữa các nhà cung cấp dịch vụ Internet : đến năm 2005 có từ 3 đến 5 IXP, 30 đến 40 ISP và nhiều OSP được cấp giấy phép hoạt động.

II. CÁC BIỆN PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn chỉnh hệ thống pháp lý, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về Internet

a) Tổ chức thực hiện tốt Nghị định 55/2001/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet:

Công khai hoá chính sách, đơn giản hoá thủ tục cấp phép trong lĩnh vực Internet : năm 2002 công bố điều kiện, qui trình cấp phép, số lượng giấy phép các dịch vụ kết nối, truy cập, ứng dụng Internet; quy định pháp lý cho các dịch vụ điện tử quan trọng về thanh toán, chứng thực trên Internet...

Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng công nghệ thông tin, mạng lưới và dịch vụ Internet; chuẩn hoá tiếng Việt trên mạng máy tính và phần mềm hiển thị, trang Web tiếng Việt.

Hoàn thiện các biện pháp kỹ thuật đảm bảo an ninh, an toàn thông tin, phòng chống tin tặc, vi rút nhằm đảm bảo chất lượng mạng lưới và dịch vụ Internet, hệ thống thông tin điện tử của Chính phủ kết nối vào mạng Internet; xây dựng cơ chế mã hoá và giải mã thông tin; hoàn thiện các quy định pháp lý xử phạt các hành vi phạm tội liên quan đến máy tính, Internet.

b) Quản lý có hiệu quả nguồn tài nguyên Internet: Nâng cao năng lực của Trung tâm thông tin mạng Internet Việt Nam (VNNIC); hiện đại hoá các hệ thống quản trị tài nguyên, máy chủ tên miền quốc gia (DNS); đảm bảo chủ quyền, sử dụng hiệu quả tài nguyên tên miền, địa chỉ Internet Việt Nam.

c) Thực hiện chính sách giá cước phù hợp, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm:

Từ năm 2002, giảm giá, cước truy cập Internet tới mức bình quân của khu vực; giảm cước viễn thông phục vụ phát triển Internet tới mức giá thành; đổi mới chính sách quản lý giá, cước theo cơ chế thị trường; thúc đẩy các doanh nghiệp nâng cao chất lượng, giảm giá thành các dịch vụ Internet.

Xây dựng cơ chế hỗ trợ công nghiệp điện tử, tin học, viễn thông; khuyến khích lắp ráp, sản xuất trong nước các thiết bị đầu cuối truy nhập Internet (như : máy tính, Web TV, Palm...) giá rẻ, chất lượng phù hợp; khuyến khích các cơ quan, tổ chức nghiên cứu khoa học, giáo dục, đào tạo, y tế phát triển công nghiệp phần mềm; hỗ trợ các cơ quan nhà nước, cơ quan của Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội sử dụng Internet, thụ hưởng lợi ích của công nghệ thông tin; thực hiện chương trình tiết kiệm, thu gom máy cũ cung cấp miễn phí cho các trung tâm giáo dục cộng đồng, cho người dân có thu nhập thấp tái sử dụng.

2. Phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông phục vụ phát triển Internet

Đầu tư phát triển hợp lý và sử dụng có hiệu quả mạng lưới viễn thông; đạt mức trung bình của khu vực về dung lượng cổng kết nối Internet quốc tế; đáp ứng đủ số lượng, chất lượng đường truyền, kênh thuê riêng phục vụ Internet cho toàn xã hội với độ tin cậy, an toàn cao, đặc biệt các mạng cộng đồng như : giáo dục, y tế, ngân hàng, tài chính, hải quan...; phục vụ sử dụng hiệu quả mạng tin học diện rộng của Chính phủ (CP.net).